

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2026/HS-PT
Ngày 08 tháng 01 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh
Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên
Ông Nguyễn Văn Từ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như L - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 498/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Trương Thị Huỳnh N; Do có kháng cáo của bị cáo Trương Thị Huỳnh N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2025/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3651/2025/QĐXXPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025, đối với:

- Bị cáo có kháng cáo: Trương Thị Huỳnh N, sinh ngày 02/5/1970, tại Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); giới tính: nữ; nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: số A đường Đ, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp (số A Đ, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cũ); thẻ CCCD số: 082170020392; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: nội trợ; con ông Trương Bá Q, sinh năm 1928 (chết) và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1930 (chết); chồng Phạm Duyên H, sinh năm 1959 (chết); con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Huỳnh N: Luật sư Hồ Hoài N1 – Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại:

1. Lê Thị Ngọc N2, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số F đường T, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp (trước là Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) (có đơn xin vắng mặt).

2. Đặng Văn T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số A đường Á, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp (trước là Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) (vắng mặt).

(Người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Huỳnh N được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05182, thửa 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 938,7m² tọa lạc tại số B, ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31/7/2015. Ngày 25/11/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo Bản án số 379/2021/DS-PT trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do cần tiền để sử dụng cá nhân, Trương Thị Huỳnh N cùng Phạm Duyên H, sinh năm 1959 cư trú cùng địa chỉ (là chồng của N) nảy sinh ý định dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị hủy, chuyển nhượng cho người khác để chiếm đoạt tiền.

Ngày 17/12/2021, Trương Thị Huỳnh N, Phạm Duyên H thỏa thuận ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Lê Thị Ngọc N2, sinh năm 1968, nơi thường trú: số F, Trừ Văn T1, Khu phố A, Phường E, TP M, tỉnh Tiền Giang với giá 3,5 tỷ đồng (Hợp đồng chuyển nhượng giả cách với hình thức thế chấp để vay tiền), hợp đồng được lập và công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: số B, Ấp B, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, số công chứng 9202, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD. Cùng ngày, bà N2 có giao số tiền 3.500.000.000 đồng cho Trương Thị Huỳnh N và Phạm Duyên H. Đồng thời, N, H có lập hợp đồng thuê lại thửa đất này của bà N2 với giá thuê là 87.500.000 đồng/tháng, thời hạn thuê là 03 tháng để hợp thức hóa việc trả lãi tiền vay.

Do đến thời hạn 03 tháng không có tiền trả cho bà N2 nên N, H tiếp tục tìm người vay với hình thức giống như bà N2 thì được Nguyễn Tuấn T2, sinh năm 1981, ngụ ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (tên thường gọi T3) giới thiệu ông Đặng Văn T, sinh năm 1962, cư trú: số A, Ấp B, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Qua trao đổi với nhau thì N và H muốn cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T để vay mượn số tiền 3,5 tỷ đồng, ông T đồng ý.

Ngày 29/3/2022, N, H ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà N2 và tiến hành ký hợp đồng ủy quyền số 3212 tại Văn phòng C nội dung ủy quyền cho ông T thực hiện tất cả các thủ tục cập nhật, thay đổi thông tin, toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với thửa đất nêu trên. Trong ngày 29/3/2022, H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất cho ông T và ông T đưa cho ông H số tiền 3.412.500.000 đồng và ông H trích trả lãi cho ông T số tiền 87.500.000 đồng.

Ngày 29/4/2022, N, H có nhu cầu vay thêm 500.000.000 đồng nên liên hệ với ông T, ông T đồng ý và giao thêm cho H số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền ông H có viết biên nhận số tiền 4.000.000.000 đồng của ông T và trích trả cho ông T số 100.000.000 đồng tiền lãi trên số tiền vay 4.000.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2022, ông T ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Việt T4, sinh năm 1975, cư trú số 158A, tổ H, Ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và tiến hành thủ tục đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ngày 09/9/2022, ông T nhận được Công văn số 2903/CNVPĐK-HCTH của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố M thông báo về việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 523426, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH05182 cấp ngày 31/7/2015 đã bị hủy theo Bản án số 379/2021/DS-PT ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh và không đủ điều kiện đăng ký chuyển quyền theo quy định. Ông T liên hệ trực tiếp với H và N để trao đổi và đề nghị trả lại tiền đã vay mượn nhưng H, N không đồng ý nên ông Thành tố giác H1, N về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* Về trách nhiệm dân sự: Trương Thị Huỳnh N đã khắc phục cho bị hại Đặng Văn T số tiền 3.812.500.000 đồng (*Ba tỷ tám trăm mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Đặng Văn T không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại Lê Thị Ngọc N2 không yêu cầu Trương Thị Huỳnh N bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSTG-P2 ngày 06/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp) đã truy tố bị cáo Trương Thị Huỳnh N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2025/HS-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đã quyết định:

Tuyên bố: Trương Thị Huỳnh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Huỳnh N 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/9/2025, bị cáo Trương Thị Huỳnh N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Thị Huỳnh N tại phiên tòa phúc thẩm thay đổi kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Trương Thị Huỳnh N kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N thay đổi nội dung kháng cáo sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, toàn bộ tài sản chiếm đoạt trong vụ án đã được khắc phục. Do bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do đó có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Trương Thị Huỳnh N.

Luật sư Hồ Hoài N1 bào chữa cho bị cáo Trương Thị Huỳnh N trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, lúc đầu bị cáo chưa nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Sau khi được Hội đồng xét xử giải thích bị cáo đã nhận ra hành vi phạm tội của mình và chuyển sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, toàn bộ tài sản chiếm đoạt trong vụ án đã được khắc phục hoàn toàn cho bị hại. Bị hại là bà Lê Thị Ngọc N2 và ông Đặng Văn T cũng không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hiện nay bị cáo bị bệnh tim rất nặng, cao huyết áp, gia đình bị cáo có 02 người phục vụ trong ngành công an là chồng và con của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Thị Huỳnh N làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 379/2021/DS-PT ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: "...Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05182, thửa số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 938,7m², tọa lạc tại địa chỉ số B, ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Trương Thị Huỳnh N đứng tên ngày 31/7/2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/11/2021, có đại diện ủy quyền của bà N tham gia tố tụng và đã nghe nội dung tuyên án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N đối với diện tích 938,7m² thuộc thửa 240, tờ bản đồ số 8.

Theo các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình của ông Phạm Duyên H và bị cáo Trương Thị Huỳnh N cũng thể hiện ông H và bị cáo N đã nhận được Bản án dân sự phúc thẩm số 379, đã biết được nội dung của bản án về việc tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N.

Cho thấy, ông H và bị cáo N đã biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05182, thửa số 240, tờ bản đồ số 8, diện tích 938,7m², tọa lạc tại địa chỉ số B, ấp D, xã Đ do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà N đứng tên ngày 31/7/2015 đã bị tuyên hủy, không còn giá trị pháp lý, bà N không còn quyền định đoạt đối với quyền sử dụng diện tích 938,7m² nêu trên. Tuy nhiên, ngày 17/12/2021, ông H và bị cáo N vẫn ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 938,7m² thửa 240, tờ bản đồ số 8 cho bà Lê Thị Ngọc N2 (hợp đồng giả cách) để vay số tiền 3,5 tỷ đồng của bà N2. Tiếp theo đó, để có tiền trả cho bà N2 thì ngày 29/3/2022, ông H và bị cáo N thông qua môi giới đã ký ủy quyền cho ông Đặng Văn T được toàn quyền định đoạt quyền sử dụng diện tích 938,7m² thửa 240, tờ bản đồ số 8 để vay ông T số tiền 3,5 tỷ đồng; ngày 29/4/2022, ông H và bị cáo N vay thêm của ông T 500.000.000 đồng.

Theo các biên bản lấy lời khai, bản tường trình của bà Lê Thị Ngọc N2 và đại diện ủy quyền của bà N2 thể hiện khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (hợp đồng giả cách) với ông H và bị cáo N thì bà N2 không hề biết giấy chứng nhận cấp cho bà N đối với diện tích diện tích 938,7m² thửa 240, tờ bản đồ số 8 đã bị Tòa án tuyên hủy. Tương tự, khi ký hợp đồng ủy quyền để được toàn quyền định đoạt diện tích 938,7m² đất thì ông T cũng không hề biết giấy chứng nhận cấp cho bà N đã bị Tòa án tuyên hủy.

Như vậy, có cơ sở xác định vợ chồng bị cáo N đã đưa ra thông tin gian dối về việc quyền sử dụng diện tích 938,7m² thửa 240, tờ bản đồ số 8 vẫn còn thuộc quyền định đoạt của bà N nên bà N2 và ông T đã tin tưởng là thật mới cho vợ chồng bị cáo N vay tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trương Thị Huỳnh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ năng lực nhận thức nhưng vì để có tiền trả nợ bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn của người bị hại. Do đó, cần xử bị cáo mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đặc biệt, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; chồng và con của bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác; ngoài ra, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, chồng bị cáo bị bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức án 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có phần nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị Huỳnh N; Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trương Thị Huỳnh N.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trương Thị Huỳnh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị Huỳnh N; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 33/2025/HS-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt đối với bị cáo Trương Thị Huỳnh N.

2. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Huỳnh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Huỳnh N 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị Huỳnh N không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo Trương Thị Huỳnh Nga;
- Lưu VT (5), HS (2) (Án - Tâm).

(1)
(1)
(2)
(1)
(1)
(1)
(1)
(1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh